

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 30/5/2022

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Quyết định kháng nghị số 250/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐ-PT ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim Th; sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 1042, TP, xã LC, thành phố BL, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc Th –Văn phòng luật sư PT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn Ph; sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 1042, TP, xã LC, thành phố BL, Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Lệ Th, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 93, Nguyễn Thị N, Phường A, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Đình L–
Văn phòng luật sư Tuệ Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Lâm Thị Huyền Tr, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 133 đường LG, thôn TC, xã LC, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

3.2 Chị Lâm Thị Tuyết Ng, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 1042, TP, xã LC, thành phố BL, Lâm Đồng

Địa chỉ tạm trú: Đường Nguyễn Thị N, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ
Chí Minh.

3.3 Anh Lâm Minh H, sinh ngày 19/12/2000.

Địa chỉ: Số 1042, TP, xã LC, thành phố BL, Lâm Đồng

3.4 Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 999 Quốc Lộ A, thôn A xã LC, thành phố BL, Lâm Đồng.

4. Người kháng cáo: Ông Lâm Văn Ph - Bị đơn

*(Bà Th, ông Ph, bà Th, Luật sư Th, Luật sư L, chị Tr, anh H có mặt; chị Ng,
bà X vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Trong đơn xin ly hôn ngày 05/4/2018 cũng như trong quá trình giải
quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm Văn Ph sống chung với nhau vào
năm 1986 nhưng đến năm 2006 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã LC, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện,
có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình sống chung hòa thuận, hạnh phúc,
đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm
sống, đến cuối năm 2017 ông Ph đuổi bà Th ra khỏi nhà, hai người sống ly thân
cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm
vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu
cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 03 con chung tên Lâm Thị Huyền Tr, sinh
năm 1988, Lâm Thị Tuyết Ng, sinh năm 1991 và Lâm Minh H, sinh ngày
19/12/2000. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi.

Về tài sản chung gồm có: Diện tích đất 582m² thuộc thửa 144, tờ bản đồ
số 29, trên đất có xây 01 nhà cấp 3; diện tích đất nông nghiệp 636m² thửa 141,
tờ bản đồ số H181.IA tại xã Lộc Châu, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng; 01 máy rang cà

phê; 01 máy pha cà phê; 01 xe ô tô biển số 49C-111.48. Ly hôn bà Th yêu cầu được nhận tài sản là nhà, đất, máy rang cà phê, máy xay cà phê, đồng ý giao chiếc xe ô tô cho ông Ph sở hữu và thanh toán tiền chênh lệch cho ông Ph.

Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị X 250.000.000đ. Ly hôn bà đồng ý trả nợ cho bà X.

2. Bị đơn ông Lâm Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung ông thống nhất với ý kiến của bà Th. Ông đồng ý ly hôn với bà Th, con chung đã trưởng thành ở với ai do con chung tự quyết định.

Về tài sản chung: Ông cho rằng toàn bộ tài sản chung là do công sức của ông tạo ra, bà Th không đóng góp gì nên ông không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của bà Th. Đối với số tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Bảo Lộc 300.000.000đ ông Ph công nhận đây là khoản tiền chị Tr là con gái ông đứng ra vay dùm ông Ph và bà Th để làm nhà. Số tiền này ông đã trả cho Ngân hàng nên ông không có ý kiến gì đối với số tiền trên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lâm Thị Huyền Tr, chị Lâm Thị Tuyết Ng và anh Lâm Minh H trình bày: Về mâu thuẫn giữa bà Th và ông Ph đúng như lời trình bày của bà Th. Về tài sản của bà Th, ông Ph thì chị Tr, chị Ng và anh H xác định không có công sức đóng góp tạo lập ra khối tài sản chung của bà Th, ông Ph. Do vậy chị Tr, chị Ng và anh H không có yêu cầu gì về việc chia tài sản chung giữa bà Th và ông Ph.

3.2. Bà Nguyễn Thị X trình bày: Ngày 14/4/2017 bà có cho vợ chồng ông Ph, bà Th vay số tiền 250.000.000đ, vay không có lãi. Nay bà Th, ông Ph ly hôn thì bà yêu cầu bà Th, ông Ph trả cho bà số tiền nợ trên. Bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Kim Th và ông Lâm Văn Ph.

2/ Về tài sản chung: Giao cho bà Trịnh Thị Kim Th quản lý, sử dụng và sở hữu: Diện tích đất 582m² trong đó có 200m² đất thổ cư, 382m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 144, tờ bản đồ số 29, sổ số V 397787, cấp ngày 24/02/2003; 01 nhà cấp 2, diện tích xây dựng 110,65m², diện tích sử dụng 337,22m² (xây dựng

trên đất); diện tích đất 636m² trong đó có 400m² đất thổ cư, 236m² đất trồng cây lâu năm, thửa 141, tờ bản đồ số H181.IA, sổ số M 726996, cấp ngày 23/12/1998; 01 nhà cấp 4A, diện tích 73,5m² (xây dựng trên đất) tại xã Lộc Châu, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng; 01 máy rang cà phê; 01 máy pha cà phê; 01 mái tôn, khung sắt nền gạch tàu diện tích 25,5m²; 01 mái bạt kéo, khung sắt, nền gạch tàu diện tích 92,5m². Giao cho ông Lâm Văn Ph sở hữu 01 xe ô tô hiệu FORD-RANGER XLT biển số 49C-111.48. Bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ph số tiền chênh lệch chia tài sản là 2.039.350.615đ

Bà Th có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

3/ Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Kim Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000đ.

4/ Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Văn Ph có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị Kim Th số tiền 4.140.046đ chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 19/4/2019 ông Lâm Văn Ph có đơn kháng cáo về phần tài sản chung và nợ chung. Cụ thể ông yêu cầu được chia tài sản chung và xin nhận bằng hiện vật. Về phần nợ chung bà Th phải chịu trách nhiệm chung về khoản nợ 300.000.000đ vay ngân hàng. Trả nợ chung 100.000.000đ cho bà Võ Thị C.

Quyết định kháng nghị số 250/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị hủy một phần bản án về phần tài sản chung, nợ chung. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án thành phố Bảo Lộc thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại giai đoạn phúc thẩm Tòa án đã tiến hành thu thập thêm các tài liệu và đủ căn cứ để chia tài sản chung theo quy định, do vậy, việc kháng nghị đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm không còn phù hợp. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận như sau: Toàn bộ diện tích đất được các bên xác định chia thành 3 vị trí theo họa đồ đo vẽ của cơ quan chức năng; theo đó vị trí lô 3 (*phần có mặt tiền giáp Quốc lộ 20 và căn nhà trên đất*) được giao cho con trai là anh Lâm Minh H; diện tích

đất phía sau có mặt tiền giáp đường hẻm, bà Th sẽ nhận phần diện tích ở vị trí lô 1; ông Ph nhận ở vị trí lô 2 và ông Ph sẽ cho con gái là chị Lâm Thị Tuyết Ng. Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 284 Đại diện Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị (*từ hủy một phần sang sửa án theo hướng công nhận sự thỏa thuận*). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ph về việc yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần chia tài sản chung, nợ chung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trịnh Thị Kim Th và ông Lâm Văn Ph chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Ph là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà Th xin ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của ông Lâm Văn Ph thì thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay bà Th và ông Ph đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung như sau:

Ông Ph, bà Th cho con trai là Lâm Minh H được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất (*ký hiệu lô 3*) thuộc một phần thửa 144 diện tích $272m^2$ (*trong đó có $200m^2$ đất ở và $72m^2$ đất nông nghiệp*), trên đất có căn nhà xây cấp 2, diện tích đất xây dựng $110,65m^2$, diện tích sử dụng $337,22m^2$ (*xây dựng trên đất*).

Giao cho ông Lâm Văn Ph được quyền sử dụng diện tích đất (*ký hiệu lô 1*) thuộc một phần thửa 144 + một phần thửa 141, diện tích $480m^2$ (*trong đó có $160m^2$ đất ở và $320m^2$ đất nông nghiệp*) và sở hữu toàn bộ công trình làm trên thửa đất. Ông Ph đồng ý cho con gái Lâm Thị Tuyết Ng được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ông được chia. (*Lô đất ký hiệu 1, thuộc một phần thửa 144 + một phần thửa 141, diện tích $480m^2$ (trong đó có $160m^2$ đất ở và $320m^2$ đất nông nghiệp) và sở hữu toàn bộ công trình làm trên thửa đất*).

Giao cho bà Th được quyền sử dụng diện tích đất (*ký hiệu lô 2*) thuộc một phần thửa 141, diện tích $504m^2$ (*trong đó có $240m^2$ đất ở và $264m^2$ đất nông*

nghiệp) và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất trị giá 4.350.171.192 đồng.

Giao cho ông Ph được quyền sở hữu 01 xe ô tô hiệu Ford – Ranger XLT biển số 49C-111.48 trị giá 645.667.000đ; 01 máy rang xay cà phê trị giá 16.349.600đ; 01 máy pha cà phê trị giá 39.840.000đ. Tổng cộng 701.856.600đ.

Bà Th và ông Ph thống nhất không bên nào phải thanh toán lại phần giá trị chênh lệch chia tài sản chung.

Đối với phần diện tích đất được ký hiệu lô 1 và lô 2 giáp đường hẻm có chiều ngang 18,8m. Theo nội dung công văn số 07/BC/CNBlo ngày 27/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc thì phần diện tích đất này không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại khoản 6, Điều 4 của Quyết định số 40/2021/QĐUB ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng. *“Đối với đường hẻm: Diện tích tối thiểu lô đất 200m². Chiều ngang tối thiểu lô đất 10m”*. Do đó cần giao cho bà Th, ông Ph cùng đứng tên đồng sử dụng đối với phần đất được chia theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Ph đồng ý thỏa thuận cho con gái phần diện tích đất ông được nhận nên bà Th và chị Ng được quyền đứng tên đồng sử dụng đối với phần diện tích đất được nhận. (kèm theo là trích đo hiện trạng thửa đất ngày 17/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc).

Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị X 250.000.000đ. Bà Th và ông Ph mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho bà X 125.000.000 đồng.

Đối với khoản vay khác tại giai đoạn sơ thẩm chưa được giải quyết, nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 55.413.092đ trong đó 8.280.092đ do bà Th nộp tại giai đoạn sơ thẩm và 2.900.000đ tại giai đoạn phúc thẩm; Ông Ph nộp tại giai đoạn phúc thẩm là 18.233.000đ và 26.000.000đ. Đây là các chi phí cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên cần buộc mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng là 27.706.546đ. Bà Th có nghĩa vụ hoàn trả lại 16.526.454đ chi phí tố tụng cho ông Ph.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần sửa án và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Ph đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án

phí nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí. Bà Th phải chịu án phí chia tài sản theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Văn Ph. Chấp nhận thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về tài sản:

1.1. Anh Lâm Minh H (*con trai ông Ph, bà Th*) được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất (*ký hiệu lô 3*) thuộc một phần thửa 144, tờ bản đồ số 29, xã LC, thành phố BL, diện tích $272m^2$ (*trong đó có $200m^2$ đất ở và $72m^2$ đất nông nghiệp*), trên đất có căn nhà xây cấp 2, diện tích đất xây dựng $110,65m^2$, diện tích sử dụng $337,22m^2$ (*xây dựng trên đất*).

1.2. Chị Lâm Thị Tuyết Ng được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất (*ký hiệu lô 1*), thuộc một phần thửa 144 + một phần thửa 141, tờ bản đồ số 29, xã LC, thành phố BL, diện tích $480m^2$ (*trong đó có $160m^2$ đất ở và $320m^2$ đất nông nghiệp*) và sở hữu toàn bộ công trình làm trên thửa đất).

1.3. Bà Trịnh Thị Kim Th được quyền sử dụng diện tích đất (*ký hiệu số 2*) thuộc một phần thửa 141, tờ bản đồ số 29, xã LC, thành phố BL, diện tích $504m^2$ (*trong đó có $240m^2$ đất ở và $264m^2$ đất nông nghiệp*) và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất.

(Phần đất các đương sự được chia có họa đồ lô đất kèm theo)

Anh Lâm Minh H, bà Trịnh Thị Kim Th, chị Lâm Thị Tuyết Ng có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước ở địa phương để kê khai, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (bà Th và chị Ng được quyền đứng tên đồng sử dụng đối với phần diện tích được nhận thuộc một phần thửa 144 và một phần thửa 141, tờ bản đồ số 29, xã LC, thành phố BL)

1.4. Ông Lâm Văn Ph được quyền sở hữu 01 xe ô tô hiệu Ford – Ranger XLT; biển số 49C-111.48; 01 máy rang cà phê; 01 máy pha cà phê.

2. Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Kim Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 125.000.000 đồng. Ông Lâm Văn Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trịnh Thị Kim Th có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Ph số tiền 16.526.454đ chi phí tố tụng.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 112.350.171 đồng án phí chia tài sản, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002255 ngày 13/4/2018 và 57.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002256 ngày 13/4/2018 đều của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà Th còn phải nộp tiếp số tiền 54.300.171 đồng án phí.

Ông Ph được miễn toàn bộ án phí chia tài sản. Hoàn trả lại cho ông Ph số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005374 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002617 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LB (01);
- TAND Tp. Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (06);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân